

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM (HOSE: VIB)

Ngành Ngân hàng

XẾP HẠNG 12 THÁNG

NĂM GIỮ

Giá mục tiêu 12 tháng	21,786đ
Lợi nhuận kỳ vọng	12.88%
Giá đóng cửa gần nhất	19,300đ

Điều chỉnh kỳ vọng do kết quả kinh doanh 1H2024 kém khả quan

Chúng tôi cập nhật định giá cho cổ phiếu VIB với giá trị là 21,786 VNĐ/1 Cổ phần bằng phương pháp chiết khấu thu nhập thặng dư RI, đã điều chỉnh cho sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi VIB chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu ESOP, đồng thời, do tình hình kinh doanh của VIB kém khả quan trong 1H2024, chúng tôi điều chỉnh dự phóng xuống kịch bản thận trọng, khuyến nghị Năm giữ.

Luận điểm đầu tư:

- Chúng tôi vẫn kỳ vọng vào sự phục hồi của mảng vay tiêu dùng và sản phẩm thẻ của VIB khi nền kinh tế phục hồi đi đôi với nền lãi suất thấp. Chúng tôi đã thấy VIB triển khai rất nhiều chương trình để kích cầu tiêu dùng như ra mắt thẻ American Express hoàn tiền theo lựa chọn của KH, tài trợ chương trình Anh trai say Hi, bổ sung đặc quyền sân bay tại nhiều sân bay quốc tế cho thẻ Travel Elite,... Do vậy, chúng tôi kỳ vọng thu nhập ngoài lãi của VIB năm nay dù bị ảnh hưởng bởi thị trường banca chưa thực sự hồi phục nhưng sẽ bù đắp được từ các khoản phí thẻ, và gia tăng từ các khoản xử lý rủi ro (write-off). Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ Non-IT/TOI giữ vững được ở mức 24% thay vì mức 20% như các năm trước.
- Hạn mức TTTD trong năm nay của VIB được cấp cao nhất trong các ngân hàng là 16.1%. Do VIB đã đa dạng hóa 20% danh mục tín dụng cho khối KHDN, đồng thời, có thể mạnh ở tín dụng tiêu dùng ở khu vực miền Nam nên chúng tôi kỳ vọng VIB vẫn có thể đẩy 90% room tín dụng trở lên. Đặc biệt khi sức mua của người dân vào mùa tín dụng cuối năm ở khu vực miền Nam không bị ảnh hưởng tiêu cực do bão Yagi như ở khu vực miền Bắc.

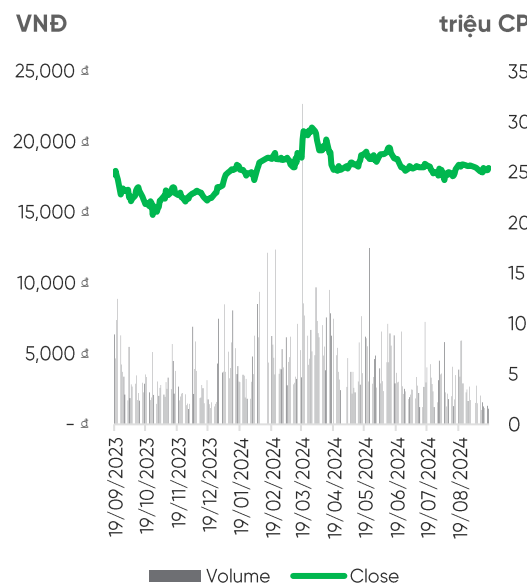
Rủi ro:

- Do VIB cạnh tranh về giá mạnh mẽ nên NIM giảm 50 bps yoy và 30 bps qoq, mức giảm cao hơn dự phóng của chúng tôi. Chúng tôi đánh giá cạnh tranh về giá trong ngành tài chính là một phương pháp cạnh tranh không bền vững cho VIB do chi phí vốn của VIB neo ở mức cao. VIB sẽ cần bổ sung bộ đệm vốn trong các năm tới và đa dạng hóa cơ cấu vốn huy động để có thể tiếp tục cạnh tranh về giá trong tương lai.
- Room tín dụng nếu VIB không sử dụng được tối ưu sẽ bị đẩy sang ngân hàng khác. Chất lượng tài sản suy giảm dẫn đến trích lập dự phòng tăng mạnh và ảnh hưởng tới KQKD chung.
- Do vậy, chúng tôi điều chỉnh dự phóng LNTT về mức 9,218 tỷ (-14% yoy), tương đương hoàn thành 77% KHKD 2024.

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Vốn hóa (tỷ đồng)	53,810 đ
Khối lượng lưu hành	2,979,128,000
KLGD TB 52 tuần	5,448,899
Giá cao nhất 52 tuần	21,026 đ
Giá thấp nhất 52 tuần	14,829 đ
Beta	1.25

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



Đv: tỷ đồng	1H2023	1H2024	% yoy
TN lãi thuần	8,706	7,981	-8.3%
TOI	10,294	10,358	0.6%
LNTT	5,642	4,605	-18.4%
EPS	3,534	3,048	-13.7%
BVPS	13,367	15,118	13.1%
NIM	4.7%	4.2%	-10.6%
CIR	30.3%	35.5%	17.0%
ROA	2.7%	2.0%	-24.0%
ROE	29%	21%	-27.6%

Chuyên viên phân tích

Lê Thu Uyên

uyenlt@vpbanks.com.vn

Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2024

Các chỉ tiêu	KHKD 2024	Hoàn thành 1H2024	% hoàn thành
Tổng Tài sản	492,000	430,962	88%
Huy động	315,200	263,624	84%
Dư nợ tín dụng	320,600	274,589	86%
LNTT	12,045	4,605	38%
NPL	< 3%	2.4%	Đạt

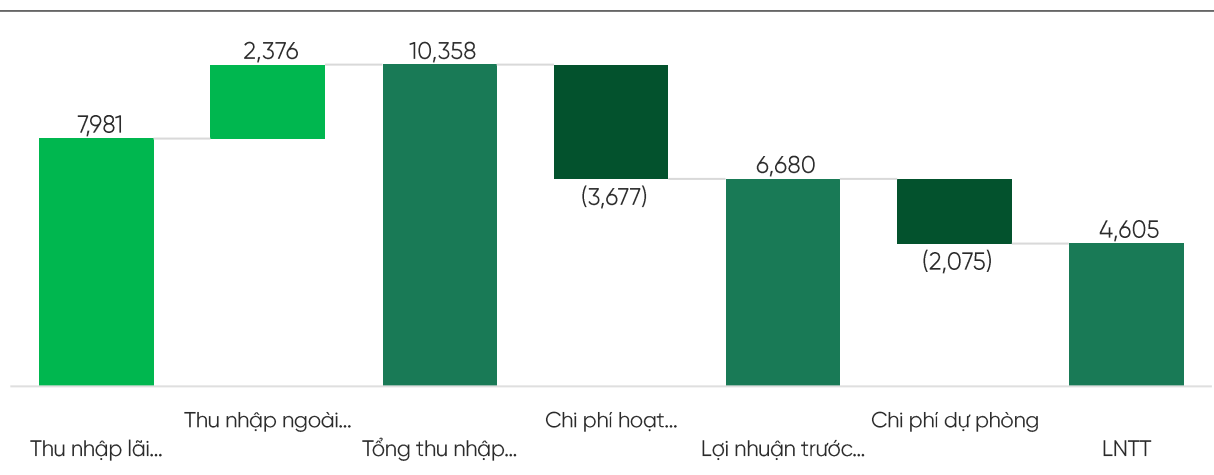
Với việc hoàn thành 38% LNTT trong 1H2024, chúng tôi cho rằng VIB khó hoàn thành chỉ tiêu KHKD năm 2024. Đồng thời trong bối cảnh mặt bằng lãi suất xuống mức thấp nhất trong lịch sử, hỗ trợ đặc biệt cho chi phí vốn mà NIM của VIB suy giảm tới 50 bps yoy cho thấy VIB rất cạnh tranh về giá – một chiến lược chúng tôi cho rằng không mấy bền vững. Do vậy chúng tôi hạ dự phóng LNTT 2024 của VIB từ 12,036 tỷ xuống 9,218 tỷ.

KQKD 1H2024 suy giảm mạnh so với cùng kỳ chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 8% yoy, dù thu nhập ngoài lãi tăng tới 50% yoy nhưng do tỷ trọng trong thu nhập hoạt động thấp chỉ chiếm 23% nên TOI chỉ tăng 1% yoy. Trong khi đó, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng đều tăng mạnh, lần lượt ở mức 18% và 36% yoy.

Điểm mạnh của VIB là đa dạng hóa được nguồn thu ngoài lãi đặc biệt ở sản phẩm thẻ nên tỷ lệ Non-Il/TOI ở mức 23% là cao so với TB ngành ở mức 21% tại Q2/2024. Nhưng chi phí truyền thông tiếp thị cho các sản phẩm này đang kéo CIR của VIB lên mức cao so với ngành (CIR VIB Q2/2024 ở mức 35.8%, cao hơn nhiều so với TB ngành ở mức 31.8%). Mức CIR cao là do (1) VIB mở mới 14 chi nhánh trong 2024; (2) đầu tư thêm vào hệ thống core banking; (3) Năm 2023 và 2024, VIB tài trợ chính cho 2 chương trình là the Masked Singer và Anh trai say Hi. Thương hiệu VIB và sản phẩm thẻ được quảng cáo rộng rãi đến các phân khúc trẻ và 'chịu chi'. Do vậy, số lượng thẻ tín dụng mở mới của VIB đã đạt hơn 300 nghìn thẻ, giá trị tiêu dùng đạt hơn 110 nghìn tỷ chỉ trong 1 năm trở lại đây. Do vậy, trong dự phóng của chúng tôi, chúng tôi không điều chỉnh dự phóng về thu nhập ngoài lãi của VIB (giữ nguyên ở mức 5,449 tỷ, hết 1H2024 đã hoàn thành 44%).

Biểu đồ 1. KQKD 1H2024

Đơn vị: tỷ VND



Nguồn: BCTN VIB, IR Pack, BCTC

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

Chúng tôi kỳ vọng TTTD của VIB sẽ bứt tốc hơn trong 2H2024 vì giống như trong lịch sử 5 năm trở lại đây, 62% TTTD của cả 1 năm VIB thúc đẩy vào 6 tháng cuối năm, cùng lúc với mùa tín dụng tiêu dùng cuối năm. Chúng tôi cũng kỳ vọng TTTD của VIB ít bị ảnh hưởng của bão Yagi hơn do 60% thu nhập lãi đóng góp bởi khu vực miền Nam. BLE VIB cũng chia sẻ động lực TTTD trong 2H2024 sẽ là cho vay nhà phố, ô tô, thúc đẩy cho vay các công ty ngành tài chính (CTCK, Cty QLQ, Cty Bảo hiểm,...), cho vay SME, KHDN. Năm nay chúng tôi dự phóng tăng trưởng cho vay của VIB sẽ ngang bằng dự phóng TTTD toàn ngành của chúng tôi là 14.8% - cũng là mức VIB đã đạt được vào năm trước.

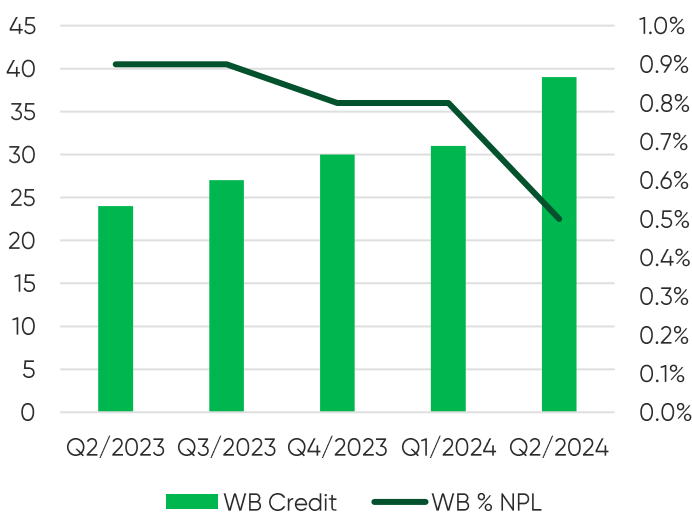
Khối KHDN tăng dư nợ tốt với mức tăng trưởng 25% yoy, đạt mức gần 40 nghìn tỷ, giữ tỷ trọng 19.4% và sẽ duy trì mức này hoặc tăng lên mức quanh 20% trong thời gian tới. Đặc biệt dư nợ khối KHDN có mức NPL rất thấp, chỉ còn 0.5% vào cuối Q2/2024. Về ngành nghề cho vay, ngành SX nông nghiệp, công nghiệp đạt 19.8 nghìn tỷ VND, tăng 19.3% yoy. Dư nợ BDS và XD đạt 8,340 tỷ, tăng tới 1.3 lần so với cùng kỳ. Cho vay ngành tài chính là một công cụ thúc đẩy tín dụng trong 1H2024 của ngành ngân hàng nói chung, VIB cũng không là ngoại lệ khi tăng dư nợ ngành này tới 9.2% yoy, đạt 10,630 tỷ VND. Nhưng cho vay hộ gia đình, tiêu dùng cá nhân lại chỉ tăng 1.6% yoy dù chiếm đến 80.55% tỷ trọng.

Cũng vì vậy nên trong 1H2024, thu nhập lãi thuần của VIB giảm 8.3% yoy do doanh thu lãi giảm 17% yoy dù chi phí lãi giảm tới 25% yoy nhờ một phần lãi suất huy động ở mức thấp. Thu từ cho vay KH đạt 13,558 tỷ (-15% yoy), thu từ chứng khoán đầu tư đạt 1,222 tỷ, giảm tới 40% yoy. NIM của VIB giảm 50 bps yoy, 30 bps qoq, về mức 4.2% và sẽ cố gắng duy trì mức từ 4-4.2% cho cả năm do VIB lựa chọn chiến lược cạnh tranh về giá. Chúng tôi cũng dự phóng NIM 2024F nằm ở mức 4.2%.

Kỳ vọng TTTD tốt hơn trong 2H2024 nhưng NIM vẫn sẽ ở mức của 1H2024

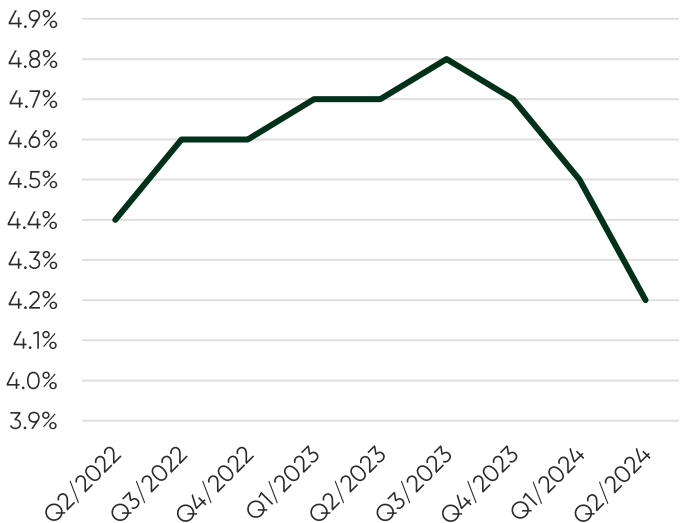
Biểu đồ 2. Tín dụng và tỷ lệ nợ xấu dư nợ KHDN

Đơn vị: nghìn tỷ VND; %



Biểu đồ 3. NIM hợp nhất

Đơn vị: %

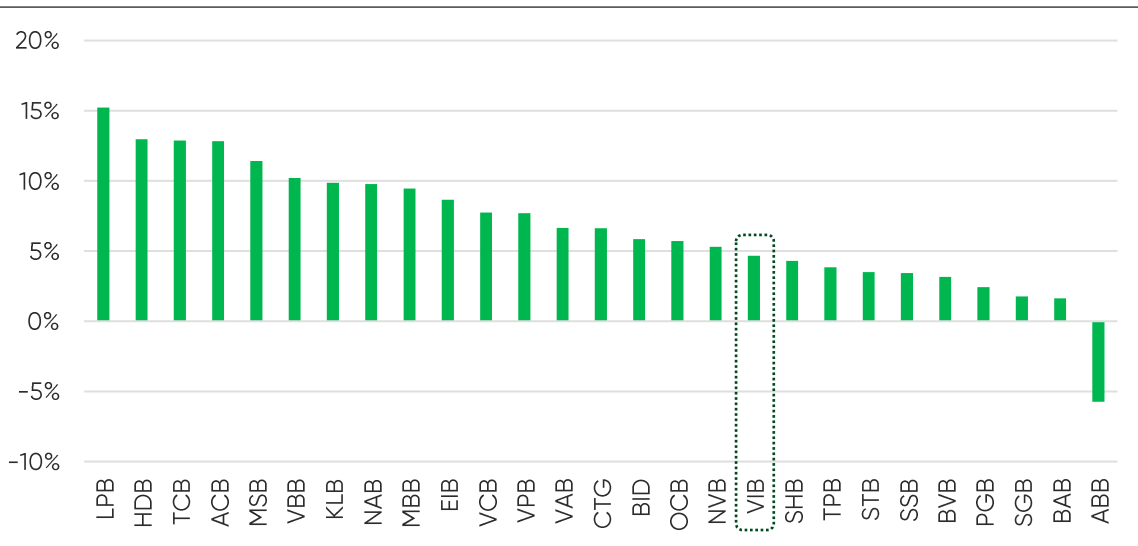


Nguồn: IR Pack, BCTC

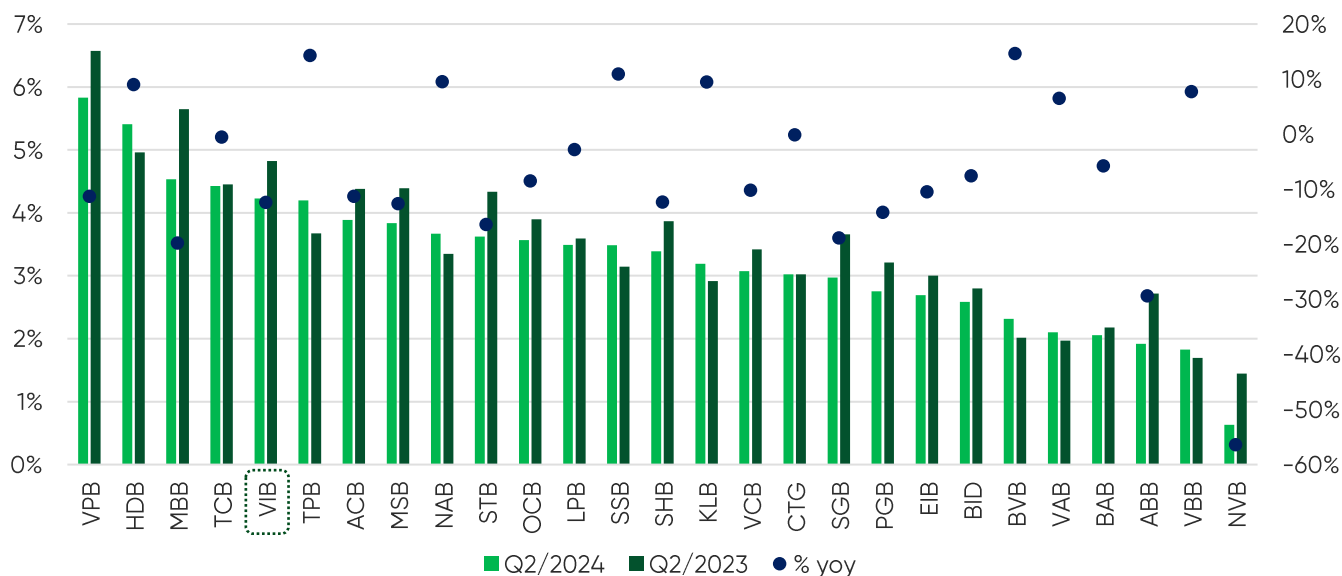
Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

Biểu đồ 4. Tăng trưởng tín dụng Q2/2024

Đơn vị: % ytd

**Biểu đồ 5. VIB nằm trong phần lớn các ngân hàng giảm NIM so với cùng kỳ**

Đơn vị: %



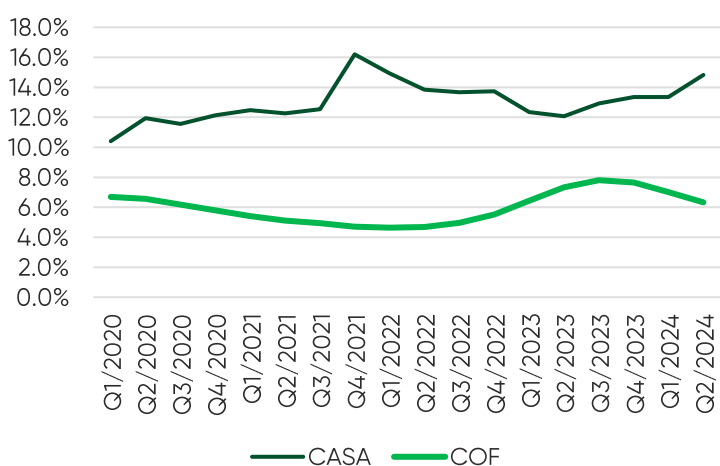
Nguồn: BCTC

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

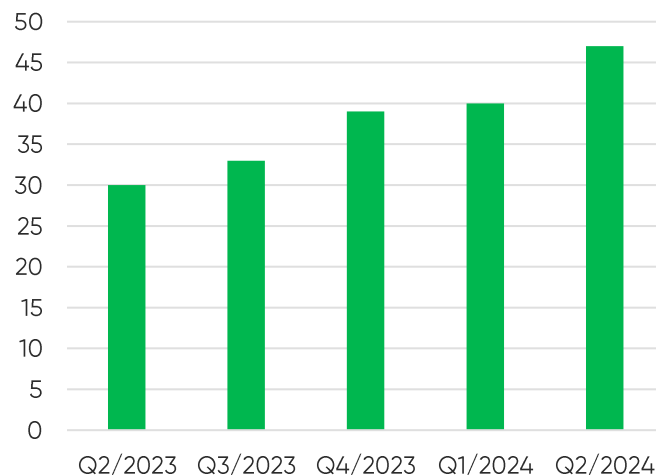
Việc chuyển hướng chiến lược từ bán lẻ sang bán buôn một phần của VIB đã mang lại kết quả, thể hiện qua sự tăng trưởng mạnh mẽ của CASA và huy động ngoại tệ từ khối KHDN (+56% yoy; +17.5% qoq). Sự chuyển đổi này không chỉ nâng cao tính ổn định nguồn vốn tổng thể của ngân hàng mà còn làm giảm đáng kể chi phí vốn (cuối Q2 COF đã giảm tới 130 bps ytd) và tăng tỷ lệ CASA (tăng 140 bps ytd, đạt 14.8%).

Biểu đồ 6. CASA và Chi phí vốn COF

Đơn vị: %

**Biểu đồ 7. CASA và huy động ngoại tệ từ KHDN**

Đơn vị: nghìn tỷ VND

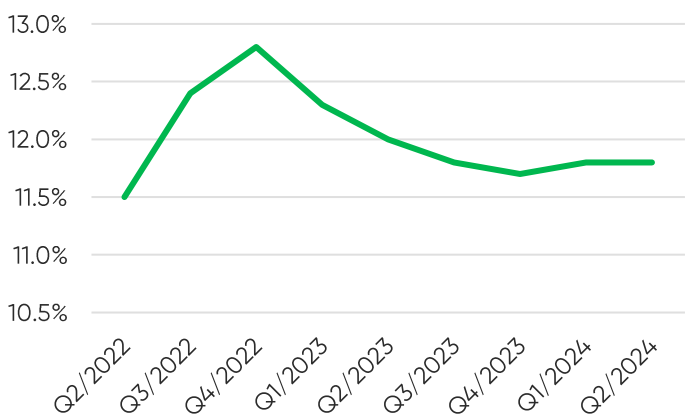


VIB đã tăng vốn điều lệ từ 25,368 tỷ đồng lên 29,791 tỷ đồng qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (4,313 tỷ đồng) và phát hành ESOP. Đồng thời khoản thoái vốn của cổ đông chiến lược CBA cũng sẽ mang lại một phần vốn cho VIB, bổ trợ tốt cho CAR tăng lên trên 12% trong năm 2024.

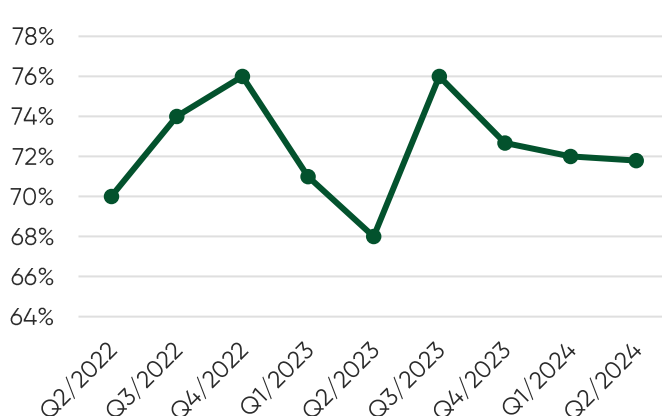
VIB cũng sẽ không chịu áp lực thanh khoản trong năm nay khi tăng trưởng tín dụng được thúc đẩy trong 2H2024 do LDR đang ở mức 72%, dưới nhiều so với trần 85% của SBV, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn cũng ở mức 26%, dưới trần 30% nên còn nhiều dư địa phát triển.

Biểu đồ 8. CAR Basel II hợp nhất

Đơn vị: %

**Biểu đồ 9. LDR**

Đơn vị: %



Nguồn: IR Pack, BCTC

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

HOSE: VIB

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

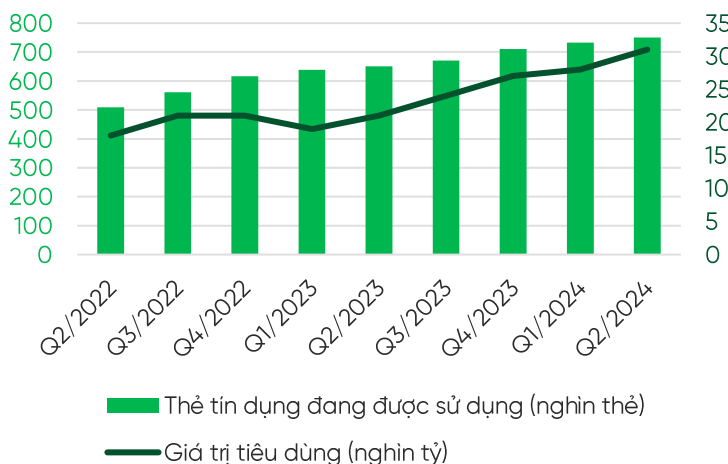


Trong 1H2024, thu nhập từ thanh toán giảm 5.7% yoy dù chi tiêu qua thẻ VIB đạt gần 59 nghìn tỷ (hơn 2.3 tỷ USD). Việc nâng được số lượng thẻ phát hành và giá trị tiêu dùng hàng quý cho thấy kết quả tích cực của việc đẩy mạnh thiết kế tinh năng, tiện ích, ưu đãi cho chủ thẻ. Tuy nhiên trong ngắn hạn, VIB đang chịu nhiều chi phí đầu tư cho các sản phẩm này, ví dụ như tài trợ cho chương trình Anh trai say Hi, cùng với việc đầu tư vào 14 chi nhánh mới và hệ thống core banking, từ đó nâng tỷ lệ CIR lên 36% vào cuối Q2/2024. Chúng tôi kỳ vọng các chương trình này sẽ mang lại lợi nhuận sớm cho VIB, và CIR kỳ vọng sẽ về lại xu hướng giảm vào 2025, còn ở 2024, chúng tôi vẫn dự phóng CIR là 35%.

Nỗ lực giữ vững TOP 5 doanh số thẻ đang nâng chi phí lên

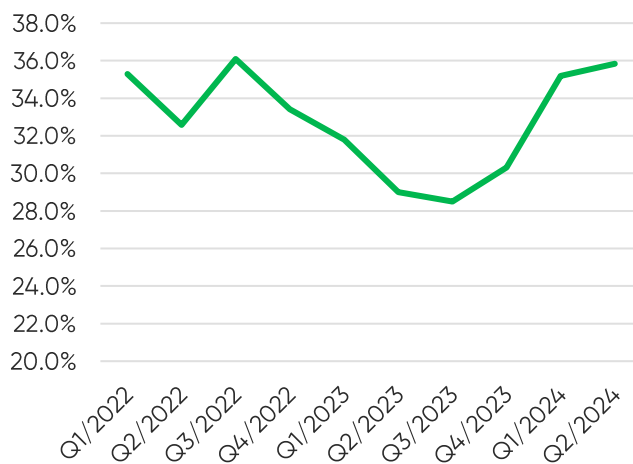
Biểu đồ 10. Thẻ tín dụng

Đơn vị: nghìn thẻ; nghìn tỷ VND



Biểu đồ 11. CIR hợp nhất

Đơn vị: %



Nguồn: IR Pack, BCTC, VIB

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

Thu nhập khác tăng trưởng tới 145% yoy chủ yếu do phần thu nhập xử lý nợ tăng trưởng tới 170% yoy, đạt 498.6 tỷ, chiếm 94% tỷ trọng thu nhập khác. Đồng thời, nợ nhóm 2 cũng giảm 18% qoq, cho thấy các chính sách QTRR đang hiệu quả, thị trường đang hồi phục.

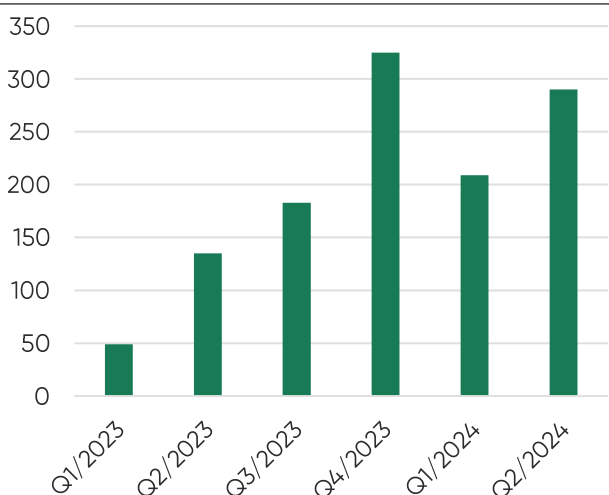
NPL theo TT11 đã tăng 24 bps ytd lên mức 2.44%, tiệm cận mức kế hoạch là 3%. Trong đó 80% NPL đến từ khối bán lẻ, do vậy VIB đã tích cực tăng trích lập với 95% chi phí dự phòng phân bổ cho bán lẻ.

Chúng tôi đánh giá VIB chịu rủi ro chu kỳ kinh tế khá lớn nên NPL thuần của 2024 (nợ nhóm 3-5 trên tổng dư nợ) dự phóng ở 3.8%.

Bên cạnh chi phí hoạt động, chi phí dự phòng cũng tăng 36% yoy

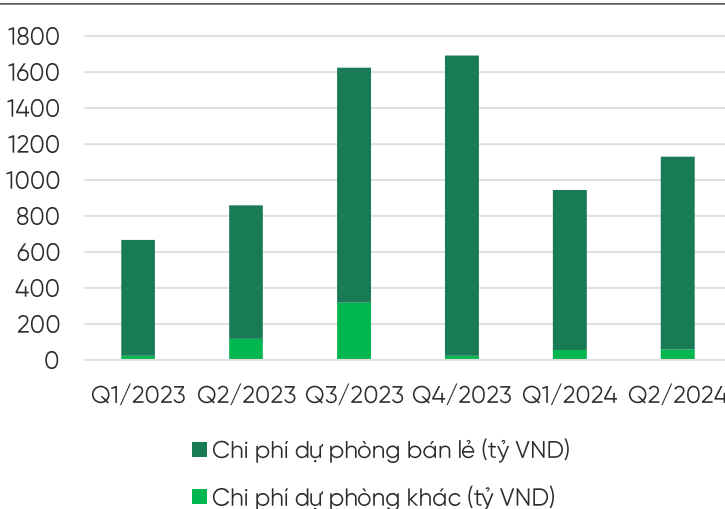
Biểu đồ 12. Thu từ xử lý nợ đã write-off

Đơn vị: tỷ VND



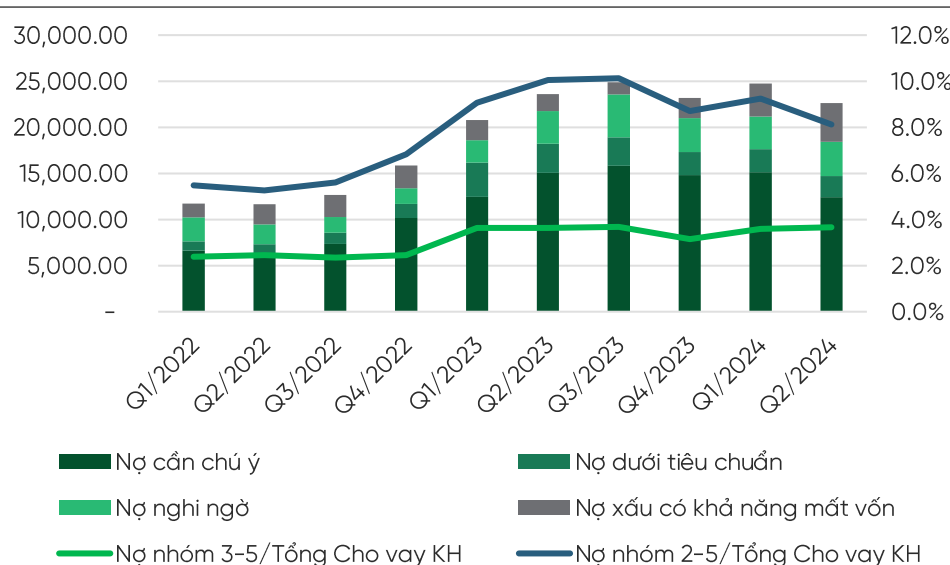
Biểu đồ 13. Cơ cấu chi phí dự phòng

Đơn vị: tỷ VND



Biểu đồ 14. Cơ cấu nợ quá hạn

Đơn vị: tỷ VND; %



Nợ xấu vẫn trên đà tăng do 80% dư nợ là bán lẻ

Nguồn: IR Pack, BCTC

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

Biểu đồ 15. Diễn biến giao dịch P/E

Đơn vị: lần

**Biểu đồ 16. Diễn biến giao dịch P/B**

Đơn vị: lần



P/B của VIB đều đang ở mức hấp dẫn so với lịch sử, tiệm cận mức -1 STD. P/B hiện tại (1/10/2024) là 1.31, thấp hơn TB ngành ở mức 1.5. P/E hiện tại (1/10/2024) là 7.53, gần tiệm cận mức trung bình 5 năm. Nhìn chung VIB vẫn giao dịch ở mức khá hấp dẫn so với định giá lịch sử.

Nguồn: Bloomberg

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

HOSE: VIB

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP**ĐỊNH GIÁ: PHƯƠNG PHÁP CHIẾT KHẤU THU NHẬP THẶNG DƯ****Giả định của VPBankS Research**

Dựa trên những kết quả kinh doanh gần nhất của VIB và đánh giá thận trọng về triển vọng kinh doanh những năm sắp tới. Chúng tôi dự phóng kết quả kinh doanh của VIB trong năm 2024 sẽ hoàn thành khoảng 77% KHKD, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc suy giảm thu nhập lãi thuần từ chiến lược cạnh tranh về giá của VIB. Nhưng chúng tôi vẫn kỳ vọng VIB sẽ có các động lực thúc đẩy từ các sản phẩm thẻ và từ việc mở room tín dụng cho khối KHDN. Các chỉ tiêu dự báo chính:

- Hệ số chênh lệch lãi thuần NIM: 4.2%, theo guidance của BLD
- Tăng trưởng Tiền gửi và Cho vay lần lượt là 11.3% và 14.8%.
- Tỷ lệ Chi phí trên Thu nhập: 35%
- Tỷ lệ Nợ xấu ước tính ở mức 3.8%.

	2019	2020	2021	2022	2023	2024F
NIM	3.85%	4.51%	4.82%	5.00%	4.82%	4.20%

Tổng hợp mẫu so sánh

Chúng tôi sử dụng mẫu so sánh là những Ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Trong đó, các chỉ tiêu so sánh bao gồm P/E và P/B được lấy giá trị cập nhật đến thời điểm định giá hiện tại. Chúng tôi ghi nhận VIB đang giao dịch ở mức P/B khá cao so với các ngân hàng tư nhân cùng quy mô khác và mức P/B giao dịch vẫn thấp hơn trung bình toàn ngành ngân hàng ở mức 1.5.

Mã	P/E	P/B	Tiêu chí	Mới	Cũ	Thay đổi
ACB	6.72	1.42	NIM	4.2%	4.5%	-30 bps
HDB	6.00	1.40	Tăng trưởng tiền gửi	11.5%	4.5%	+7%
MBB	5.73	1.19	Tăng trưởng cho vay	14.8%	16.1%	-1.3%
MSB	6.19	0.89	CIR	35%	30%	+5%
SHB	5.39	0.78	NPL	3.8%	3.8%	-
STB	6.85	1.13	LNTT	9,218	12,036	-23%
TCB	8.33	1.21				
TPB	8.39	1.11				
VIB	7.53	1.31				
VPB	12.26	1.07				
MEAN	7.34	1.15				
MEDIAN	6.78	1.16				

Nguồn: Bloomberg

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

HOSE: VIB

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP**PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tỷ đồng	2022	2023	2024F	tỷ đồng	2022	2023	2024F
Bảng cân đối kế toán				Báo cáo kết quả kinh doanh			
Tiền mặt và vàng	1,618	1,681	2,337	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27,509	35,568	35,299
Tiền gửi tại NHNN	10,063	8,218	9,685	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(12,547)	(18,207)	(18,100)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	51,900	68,198	51,076	Thu nhập lãi thuần	14,963	17,361	17,199
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4,529	4,801	5,937
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	21	157	50	Chi phí hoạt động dịch vụ	(1,341)	(1,475)	(1,439)
Cho vay khách hàng	228,879	262,075	302,305	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	3,188	3,327	4,497
Chứng khoán đầu tư	40,279	60,988	66,323	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(275)	548	42
Góp vốn, đầu tư dài hạn	69	69	69	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0	0
Tài sản cố định	700	756	912	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(176)	130	76
Tài sản cố khác	9,270	7,739	10,731	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	355	792	831
TỔNG TÀI SẢN	342,799	409,881	443,489	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	3	3	3
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	342,799	409,881	443,489	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	18,058	22,160	22,648
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	0	0	0	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(6,197)	(6,611)	(7,927)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	71,166	98,640	89,209	LN thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD	11,861	15,550	14,722
Tiền gửi của khách hàng	200,124	236,577	263,426	Chi phí dự phòng RRTD	(1,280)	(4,846)	(5,503)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	21	Tổng LN trước thuế	10,581	10,704	9,218
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTC chịu rủi ro	8	7	15	Chi phí thuế TNDN	(2,112)	(2,141)	(1,842)
Phát hành giấy tờ có giá	31,775	23,897	34,670	Lợi nhuận sau thuế	8,469	8,563	7,376
Các khoản nợ khác	7,075	12,821	10,249	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0	0	0
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	310,148	371,942	397,590	LNST cổ đông của Ngân hàng	8,469	8,563	7,376
Vốn của TCTD	21,078	25,370	29,682	Tăng trưởng			
Vốn cổ phần	21,077	25,368	29,681	Tiền gửi	15.3%	18.2%	11.3%
Thặng dư vốn cổ phần	2	2	2	Cho vay	15.1%	14.8%	14.8%
Vốn khác	0	0	0	Tổng tài sản	10.8%	19.6%	8.2%
Quỹ của TCTD	2,518	3,470	4,577	Vốn chủ sở hữu	34.4%	16.2%	21.0%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0	Thu nhập lãi thuần	26.6%	16.0%	-0.9%
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	Chi phí hoạt động	17.3%	6.7%	19.9%
Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	9,055	9,099	11,640	LNST	32.1%	1.2%	-13.9%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	32,651	37,940	45,899
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	32,651	37,940	45,899	LNST	32.1%	1.1%	-13.9%
Nhu cầu vốn				Lợi nhuận			
Hệ số an toàn vốn - CAR	12.8%	11.7%	12.8%	Hệ số chênh lệch lãi thuần - NIM	5.0%	4.8%	4.2%
Tổng tài sản/VCSH	11.5	10.7	10.2	Thu nhập ngoài lãi/Lãi thuần từ HĐKD	17.1%	21.7%	24.1%
Chất lượng tài sản				ROAA	2.6%	2.3%	1.7%
Tỷ lệ nợ xấu	2.5%	3.1%	3.8%	ROEA	29.7%	24.3%	17.6%
Tỷ lệ dự phòng nợ xấu	54%	51%	58%	Định giá			
Thanh khoản				P/E	3.63	5.81	7.85
Tỷ lệ cấp tín dụng trên vốn huy động - LDR	93.7%	93.2%	92.2%	P/B	0.93	1.31	1.26
				Giá trị sổ sách	15,492	14,956	15,464

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: research@vpbanks.com